TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1754/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thiếu Liên;

2. Bà Võ Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 942/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1987.

Thường trú: số 458/56A đường Lý Thái T, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: số 30 đường số 1, khu phố 1, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1990.

Thường trú: thôn Phú A, xã Đại Th, huyện Đại L, tỉnh Quảng N. Địa chỉ tạm trú: số 30 đường số 1, khu phố 1, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Lê Văn L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã cả hai không còn lắng nghe, chia sẻ và thông cảm cho nhau làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, bà cảm thấy cuộc sống vô cùng áp lực, vợ chồng bà đã không còn sự thấu hiểu chia sẻ như trước đây nên tình cảm không còn, không quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, hiện nay hai bên đã sống ly thân. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 01/4/2014 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Ngxác định không có.

Bị đơn: ông Lê Văn L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nhưng ông L không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông L đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, yêu cầu có mặt để Tòa để tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn nhưng ông L vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về thời hạn xét xử được đảm bảo.

Về nội dung: Xét quan hệ vợ chồng giữa bà Ng, ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngđược ly hôn với ông L; Về con chung: có 01 con chung tên Lê Minh T sinh ngày 01/4/2014 bà Ng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ, xét thấy ông L vắng mặt không rõ lý do không thể hiện ý kiến và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, do đó việc giao cháu T cho bà Ng nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu nuôi con chung của bà Ng là có cơ sở chấp nhận. Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Ng xác định không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: bà Ng có đơn yêu cầu ly hôn với ông L hiện đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt tại tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông L với bà Ng, nhưng ông L vắng mặt không có lý do; bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 27/12/2013 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ng trình bày trong quá trình chung sống ông L và bà Ng có phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã cả hai không còn lắng nghe, chia sẻ và thông cảm cho nhau làm cho mâu thuẫn càng trầm trọng, bà cảm thấy cuộc sống vô cùng áp lực, vợ chồng bà đã không còn sự thấu hiểu chia sẻ như trước đây nên tình cảm không còn, không quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, hiện nay hai bên đã sống ly thân. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong quá tình giải quyết vụ Tòa án đã có Công văn xác minh về tình trạng hôn nhân số 1368/TABT ngày 27/6/2022 và Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời trong quá trình chung sống giữa bà Ng và ông L không nắm được mâu thuẫn trong gia đình cũng như không nhận hay biết được tin tức mâu thuẫn do đương sự không trình báo và yêu cầu hòa giải.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Như vậy, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương của hai vợ chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau đó vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của vợ chồng. Nhưng hiện tại bà Ng không còn tha thiết muốn sống chung với ông L nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải để đôi bên được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng bà Ng vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông L vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu của bà Ng. Nhận thấy, bà Ng và ông L đã không còn tôn trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Ng được ly hôn với ông L.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống bà Ng xác nhận hai bên có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 01/4/2014 bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ Lê Minh T, sinh ngày 01/4/2014 hiện đang do bà Ng nuôi dưỡng và chăm sóc là chủ yếu. Mặt khác căn cứ vào khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án trẻ Lê Minh T, sinh ngày 01/4/2014 đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ và cháu muốn sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Nguyễn Thị Kim N xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Ngphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 19, 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 07 tháng 12 năm 2020.

Tuyên xử:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 01/4/2014. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyên không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.4 Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Kim N khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số AA/2021/0034294 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CCTHADS Q.Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP - HS (Mai).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Phước